



CỤC THỦY SẢN VÀ KIỂM NGU
TRUNG TÂM KHẢO NGHIỆM,
KIỂM NGHIỆM, KIỂM ĐỊNH THỦY SẢN

GIẤY CHỨNG NHẬN

Số: HQ.3K.26.00045

Trung tâm Khảo nghiệm, Kiểm nghiệm, Kiểm định thủy sản chứng nhận:

Tên sản phẩm : FISH BREED-M
Số lượng/ khối lượng : 10 thùng / 100 kg
Ngày sản xuất : 20/10/2025
Hãng, nước sản xuất : Inve Thailand, Thailand
Thuộc lô hàng nhập khẩu
Hợp đồng số : SC 99058241 ngày 18/11/2025
Hóa đơn số : INV 980105634 ngày 21/11/2025
Vận đơn số : SE-SGN-2512001
Giấy đăng ký kiểm tra chất lượng : 10410/HQ-GDK-TTKN ngày 11/12/2025
(Mã hồ sơ: BNNPTNT29250042691)
Đơn vị được cấp : CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ-SẢN XUẤT NGỌC TRAI
Địa chỉ: Số 406 Đường 2 Tháng 4, phường Bắc Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam
Phương thức đánh giá : Phương thức 7 (theo Thông tư số: 28/2012/TT-BKHCN ngày 12/12/2012 của Bộ Khoa học và Công nghệ)
Phù hợp quy chuẩn kỹ thuật : QCVN 02-31-1:2019/BNNPTNT
Có giá trị đến ngày : Hết hạn sử dụng sản phẩm

Quyết định chứng nhận
Số: 07/QĐ-TTKN
Ngày 05 tháng 01 năm 2026

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC



Hà Thanh Tùng





CỤC THỦY SẢN VÀ KIỂM NGƯ
TRUNG TÂM KHẢO NGHIỆM,
KIỂM NGHIỆM, KIỂM ĐỊNH THỦY SẢN

GIẤY CHỨNG NHẬN

Số: HQ.3K.26.00046

Trung tâm Khảo nghiệm, Kiểm nghiệm, Kiểm định thủy sản chứng nhận:

Tên sản phẩm : Artemia Cyst (Buddy Owl Green), 180 knpg
Số lượng/ khối lượng : 2.400 lon / 1.020 kg
Ngày sản xuất : 11/11/2025
Hãng, nước sản xuất : Inve Thailand, Thailand
Thuộc lô hàng nhập khẩu
Hợp đồng số : SC 99058242 ngày 29/10/2025
Hóa đơn số : INV 980105635 ngày 18/11/2025
Vận đơn số : SE-SGN-2512001
Giấy đăng ký kiểm tra chất lượng : 10413/HQ-GDK-TTKN ngày 11/12/2025
(Mã hồ sơ: BNNPTNT29250042673)
Đơn vị được cấp : CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ-SẢN XUẤT NGỌC TRAI
Địa chỉ: Số 406 Đường 2 Tháng 4, phường Bắc Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam
Phương thức đánh giá : Phương thức 7 (theo Thông tư số: 28/2012/TT-BKHCN ngày 12/12/2012 của Bộ Khoa học và Công nghệ)
Phù hợp quy chuẩn kỹ thuật : QCVN 02-31-3:2019/BNNPTNT
Có giá trị đến ngày : Hết hạn sử dụng sản phẩm

Quyết định chứng nhận
Số: 07/QĐ-TTKN
Ngày 05 tháng 01 năm 2026

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC



Hà Thanh Tùng





CỤC THỦY SẢN VÀ KIỂM NGƯ
TRUNG TÂM KHẢO NGHIỆM,
KIỂM NGHIỆM, KIỂM ĐỊNH THỦY SẢN

GIẤY CHỨNG NHẬN

Số: HQ.3K.26.00047

Trung tâm Khảo nghiệm, Kiểm nghiệm, Kiểm định thủy sản chứng nhận:

Tên sản phẩm : Artemia Cyst (Buddy Owl Green), 225 knpg
Số lượng/ khối lượng : 3.600 lon / 1.530 kg
Ngày sản xuất : 10/11/2025
Hãng, nước sản xuất : Inve Thailand, Thailand
Thuộc lô hàng nhập khẩu
Hợp đồng số : SC 99058242 ngày 29/10/2025
Hóa đơn số : INV 980105635 ngày 18/11/2025
Vận đơn số : SE-SGN-2512001
Giấy đăng ký kiểm tra chất lượng : 10413/HQ-GDK-TTKN ngày 11/12/2025
(Mã hồ sơ: BNNPTNT29250042673)
Đơn vị được cấp : CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ-SẢN XUẤT NGỌC TRAI
Địa chỉ: Số 406 Đường 2 Tháng 4, phường Bắc Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam
Phương thức đánh giá : Phương thức 7 (theo Thông tư số: 28/2012/TT-BKHCN ngày 12/12/2012 của Bộ Khoa học và Công nghệ)
Phù hợp quy chuẩn kỹ thuật : QCVN 02-31-3:2019/BNNPTNT
Có giá trị đến ngày : Hết hạn sử dụng sản phẩm

Quyết định chứng nhận
Số: 07/QĐ-TTKN
Ngày 05 tháng 01 năm 2026

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC



Ha Thanh Tùng





CỤC THỦY SẢN VÀ KIỂM NGƯ
TRUNG TÂM KHẢO NGHIỆM,
KIỂM NGHIỆM, KIỂM ĐỊNH THỦY SẢN

GIẤY CHỨNG NHẬN

Số: HQ.3K.26.00048

Trung tâm Khảo nghiệm, Kiểm nghiệm, Kiểm định thủy sản chứng nhận:

Tên sản phẩm : Artemia Cyst (Buddy Owl Green), 195 knpg
Số lượng/ khối lượng : 2.400 lon / 1.020 kg
Ngày sản xuất : 10/11/2025
Hãng, nước sản xuất : Inve Thailand, Thailand
Thuộc lô hàng nhập khẩu
Hợp đồng số : SC 99058242 ngày 29/10/2025
Hóa đơn số : INV 980105635 ngày 18/11/2025
Vận đơn số : SE-SGN-2512001
Giấy đăng ký kiểm tra chất lượng : 10413/HQ-GDK-TTKN ngày 11/12/2025
(Mã hồ sơ: BNNPTNT29250042673)
Đơn vị được cấp : CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ-SẢN XUẤT NGỌC TRAI
Địa chỉ: Số 406 Đường 2 Tháng 4, phường Bắc Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam
Phương thức đánh giá : Phương thức 7 (theo Thông tư số: 28/2012/TT-BKHCN ngày 12/12/2012 của Bộ Khoa học và Công nghệ)
Phù hợp quy chuẩn kỹ thuật : QCVN 02-31-3:2019/BNNPTNT
Có giá trị đến ngày : Hết hạn sử dụng sản phẩm

Quyết định chứng nhận
Số: 07/QĐ-TTKN
Ngày 05 tháng 01 năm 2026

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC



Hà Thanh Tùng





CỤC THỦY SẢN VÀ KIỂM NGƯ
TRUNG TÂM KHẢO NGHIỆM,
KIỂM NGHIỆM, KIỂM ĐỊNH THỦY SẢN

GIẤY CHỨNG NHẬN

Số: HQ.3K.26.00049

Trung tâm Khảo nghiệm, Kiểm nghiệm, Kiểm định thủy sản chứng nhận:

Tên sản phẩm : Artemia Cyst (Buddy Owl Blue), 180 knpg
Số lượng/ khối lượng : 2.400 lon / 1.020 kg
Ngày sản xuất : 10/11/2025
Hãng, nước sản xuất : Inve Thailand, Thailand
Thuộc lô hàng nhập khẩu
Hợp đồng số : SC 99058242 ngày 29/10/2025
Hóa đơn số : INV 980105635 ngày 18/11/2025
Vận đơn số : SE-SGN-2512001
Giấy đăng ký kiểm tra chất lượng : 10413/HQ-GDK-TTKN ngày 11/12/2025
(Mã hồ sơ: BNNPTNT29250042673)
Đơn vị được cấp : CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ-SẢN XUẤT NGỌC TRAI
Địa chỉ: Số 406 Đường 2 Tháng 4, phường Bắc Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam
Phương thức đánh giá : Phương thức 7 (theo Thông tư số: 28/2012/TT-BKHCN ngày 12/12/2012 của Bộ Khoa học và Công nghệ)
Phù hợp quy chuẩn kỹ thuật : QCVN 02-31-3:2019/BNNPTNT
Có giá trị đến ngày : Hết hạn sử dụng sản phẩm

Quyết định chứng nhận
Số: 07/QĐ-TTKN
Ngày 05 tháng 01 năm 2026

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC



Hà Thanh Tùng





CỤC THỦY SẢN VÀ KIỂM NGU
TRUNG TÂM KHẢO NGHIỆM,
KIỂM NGHIỆM, KIỂM ĐỊNH THỦY SẢN

GIẤY CHỨNG NHẬN

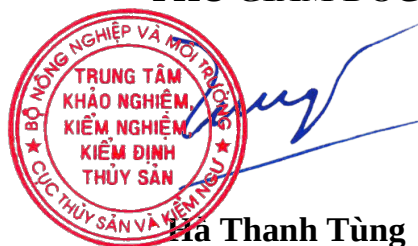
Số: HQ.3K.26.00050

Trung tâm Khảo nghiệm, Kiểm nghiệm, Kiểm định thủy sản chứng nhận:

Tên sản phẩm : Artemia Cyst (INVE Blue), 210 knpg
Số lượng/ khối lượng : 2.160 lon / 918 kg
Ngày sản xuất : 10/11/2025
Hãng, nước sản xuất : Inve Thailand, Thailand
Thuộc lô hàng nhập khẩu
Hợp đồng số : SC 99058242 ngày 29/10/2025
Hóa đơn số : INV 980105635 ngày 18/11/2025
Vận đơn số : SE-SGN-2512001
Giấy đăng ký kiểm tra chất lượng : 10413/HQ-GDK-TTKN ngày 11/12/2025
(Mã hồ sơ: BNNPTNT29250042673)
Đơn vị được cấp : **CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ-SẢN XUẤT NGỌC TRAI**
Địa chỉ: Số 406 Đường 2 Tháng 4, phường Bắc Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam
Phương thức đánh giá : Phương thức 7 (theo Thông tư số: 28/2012/TT-BKHCN ngày 12/12/2012 của Bộ Khoa học và Công nghệ)
Phù hợp quy chuẩn kỹ thuật : QCVN 02-31-3:2019/BNNPTNT
Có giá trị đến ngày : Hết hạn sử dụng sản phẩm

Quyết định chứng nhận
Số: 07/QĐ-TTKN
Ngày 05 tháng 01 năm 2026

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC





CỤC THỦY SẢN VÀ KIỂM NGU
TRUNG TÂM KHẢO NGHIỆM,
KIỂM NGHIỆM, KIỂM ĐỊNH THỦY SẢN

GIẤY CHỨNG NHẬN

Số: HQ.3K.26.00051

Trung tâm Khảo nghiệm, Kiểm nghiệm, Kiểm định thủy sản chứng nhận:

Tên sản phẩm : EG Artemia Sep-Art, 180 knpg
Số lượng/ khối lượng : 2.400 lon / 1.020 kg
Ngày sản xuất : 13/11/2025
Hãng, nước sản xuất : Inve Thailand, Thailand
Thuộc lô hàng nhập khẩu
Hợp đồng số : SC 99058242 ngày 29/10/2025
Hóa đơn số : INV 980105635 ngày 18/11/2025
Vận đơn số : SE-SGN-2512001
Giấy đăng ký kiểm tra chất lượng : 10413/HQ-GDK-TTKN ngày 11/12/2025
(Mã hồ sơ: BNNPTNT29250042673)
Đơn vị được cấp : **CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ-SẢN XUẤT NGỌC TRAI**
Địa chỉ: Số 406 Đường 2 Tháng 4, phường Bắc Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam
Phương thức đánh giá : Phương thức 7 (theo Thông tư số: 28/2012/TT-BKHCN ngày 12/12/2012 của Bộ Khoa học và Công nghệ)
Phù hợp quy chuẩn kỹ thuật : QCVN 02-31-3:2019/BNNPTNT
Có giá trị đến ngày : Hết hạn sử dụng sản phẩm

Quyết định chứng nhận
Số: 07/QĐ-TTKN
Ngày 05 tháng 01 năm 2026

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC



Hà Thanh Tùng





CỤC THỦY SẢN VÀ KIỂM NGU
TRUNG TÂM KHẢO NGHIỆM,
KIỂM NGHIỆM, KIỂM ĐỊNH THỦY SẢN

GIẤY CHỨNG NHẬN

Số: HQ.3K.26.00052

Trung tâm Khảo nghiệm, Kiểm nghiệm, Kiểm định thủy sản chứng nhận:

Tên sản phẩm : Artemia Cyst (Buddy Owl Green), 210 knpg
Số lượng/ khối lượng : 1.200 lon / 510 kg
Ngày sản xuất : 10/11/2025
Hãng, nước sản xuất : Inve Thailand, Thailand
Thuộc lô hàng nhập khẩu
Hợp đồng số : SC 99058242 ngày 29/10/2025
Hóa đơn số : INV 980105635 ngày 18/11/2025
Vận đơn số : SE-SGN-2512001
Giấy đăng ký kiểm tra chất lượng : 10413/HQ-GDK-TTKN ngày 11/12/2025
(Mã hồ sơ: BNNPTNT29250042673)
Đơn vị được cấp : **CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ-SẢN XUẤT NGỌC TRAI**
Địa chỉ: Số 406 Đường 2 Tháng 4, phường Bắc Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam
Phương thức đánh giá : Phương thức 7 (theo Thông tư số: 28/2012/TT-BKHCN ngày 12/12/2012 của Bộ Khoa học và Công nghệ)
Phù hợp quy chuẩn kỹ thuật : QCVN 02-31-3:2019/BNNPTNT
Có giá trị đến ngày : Hết hạn sử dụng sản phẩm

Quyết định chứng nhận
Số: 07/QĐ-TTKN
Ngày 05 tháng 01 năm 2026

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC



Hà Thanh Tùng





CỤC THỦY SẢN VÀ KIỂM NGƯ
TRUNG TÂM KHẢO NGHIỆM,
KIỂM NGHIỆM, KIỂM ĐỊNH THỦY SẢN

GIẤY CHỨNG NHẬN

Số: HQ.3K.26.00053

Trung tâm Khảo nghiệm, Kiểm nghiệm, Kiểm định thủy sản chứng nhận:

Tên sản phẩm : EG Artemia Sep-Art, 195 knpg
Số lượng/ khối lượng : 4.200 lon / 1.785 kg
Ngày sản xuất : 13/11/2025
Hãng, nước sản xuất : Inve Thailand, Thailand
Thuộc lô hàng nhập khẩu
Hợp đồng số : SC 99058242 ngày 29/10/2025
Hóa đơn số : INV 980105635 ngày 18/11/2025
Vận đơn số : SE-SGN-2512001
Giấy đăng ký kiểm tra chất lượng : 10413/HQ-GDK-TTKN ngày 11/12/2025
(Mã hồ sơ: BNNPTNT29250042673)
Đơn vị được cấp : **CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ-SẢN XUẤT NGỌC TRAI**
Địa chỉ: Số 406 Đường 2 Tháng 4, phường Bắc Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam
Phương thức đánh giá : Phương thức 7 (theo Thông tư số: 28/2012/TT-BKHHCN ngày 12/12/2012 của Bộ Khoa học và Công nghệ)
Phù hợp quy chuẩn kỹ thuật : QCVN 02-31-3:2019/BNNPTNT
Có giá trị đến ngày : Hết hạn sử dụng sản phẩm

Quyết định chứng nhận
Số: 07/QĐ-TTKN
Ngày 05 tháng 01 năm 2026

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC



Tha Thanh Tùng





CỤC THỦY SẢN VÀ KIỂM NGƯ
TRUNG TÂM KHẢO NGHIỆM,
KIỂM NGHIỆM, KIỂM ĐỊNH THỦY SẢN

GIẤY CHỨNG NHẬN

Số: HQ.3K.26.00054

Trung tâm Khảo nghiệm, Kiểm nghiệm, Kiểm định thủy sản chứng nhận:

Tên sản phẩm : Artemia Cyst (Buddy Owl Blue), 195 knpg
Số lượng/ khối lượng : 3.600 lon / 1.530 kg
Ngày sản xuất : 10/11/2025
Hãng, nước sản xuất : Inve Thailand, Thailand
Thuộc lô hàng nhập khẩu
Hợp đồng số : SC 99058242 ngày 29/10/2025
Hóa đơn số : INV 980105635 ngày 18/11/2025
Vận đơn số : SE-SGN-2512001
Giấy đăng ký kiểm tra chất lượng : 10413/HQ-GDK-TTKN ngày 11/12/2025
(Mã hồ sơ: BNNPTNT29250042673)
Đơn vị được cấp : **CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ-SẢN XUẤT NGỌC TRAI**
Địa chỉ: Số 406 Đường 2 Tháng 4, phường Bắc Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam
Phương thức đánh giá : Phương thức 7 (theo Thông tư số: 28/2012/TT-BKHCN ngày 12/12/2012 của Bộ Khoa học và Công nghệ)
Phù hợp quy chuẩn kỹ thuật : QCVN 02-31-3:2019/BNNPTNT
Có giá trị đến ngày : Hết hạn sử dụng sản phẩm

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

Quyết định chứng nhận
Số: 07/QĐ-TTKN
Ngày 05 tháng 01 năm 2026



Đã Thanh Tùng





CỤC THỦY SẢN VÀ KIỂM NGU
TRUNG TÂM KHẢO NGHIỆM,
KIỂM NGHIỆM, KIỂM ĐỊNH THỦY SẢN

GIẤY CHỨNG NHẬN

Số: HQ.3K.26.00055

Trung tâm Khảo nghiệm, Kiểm nghiệm, Kiểm định thủy sản chứng nhận:

Tên sản phẩm : EG Artemia Sep-Art, 225 knpg
Số lượng/ khối lượng : 1.200 lon/ 510 kg
Ngày sản xuất : 20/10/2025
Hãng, nước sản xuất : Inve Thailand, Thailand
Thuộc lô hàng nhập khẩu
Hợp đồng số : SC 99058242 ngày 29/10/2025
Hóa đơn số : INV 980105635 ngày 18/11/2025
Vận đơn số : SE-SGN-2512001
Giấy đăng ký kiểm tra chất lượng : 10413/HQ-GDK-TTKN ngày 11/12/2025
(Mã hồ sơ: BNNPTNT29250042673)
Đơn vị được cấp : CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ-SẢN XUẤT NGỌC TRAI
Địa chỉ: Số 406 Đường 2 Tháng 4, phường Bắc Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam
Phương thức đánh giá : Phương thức 7 (theo Thông tư số: 28/2012/TT-BKHCN ngày 12/12/2012 của Bộ Khoa học và Công nghệ)
Phù hợp quy chuẩn kỹ thuật : QCVN 02-31-3:2019/BNNPTNT
Có giá trị đến ngày : Hết hạn sử dụng sản phẩm

Quyết định chứng nhận
Số: 07/QĐ-TTKN
Ngày 05 tháng 01 năm 2026

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC



Hà Thanh Tùng





CỤC THỦY SẢN VÀ KIỂM NGU
TRUNG TÂM KHẢO NGHIỆM,
KIỂM NGHIỆM, KIỂM ĐỊNH THỦY SẢN

GIẤY CHỨNG NHẬN

Số: HQ.3K.26.00056

Trung tâm Khảo nghiệm, Kiểm nghiệm, Kiểm định thủy sản chứng nhận:

Tên sản phẩm : EG Artemia Sep-Art, 240 knpg
Số lượng/ khối lượng : 1.800 lon / 765 kg
Ngày sản xuất : 11/11/2025
Hãng, nước sản xuất : Inve Thailand, Thailand
Thuộc lô hàng nhập khẩu
Hợp đồng số : SC 99058242 ngày 29/10/2025
Hóa đơn số : INV 980105635 ngày 18/11/2025
Vận đơn số : SE-SGN-2512001
Giấy đăng ký kiểm tra chất lượng : 10413/HQ-GDK-TTKN ngày 11/12/2025
(Mã hồ sơ: BNNPTNT29250042673)
Đơn vị được cấp : CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ-SẢN XUẤT NGỌC TRAI
Địa chỉ: Số 406 Đường 2 Tháng 4, phường Bắc Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam
Phương thức đánh giá : Phương thức 7 (theo Thông tư số: 28/2012/TT-BKHCN ngày 12/12/2012 của Bộ Khoa học và Công nghệ)
Phù hợp quy chuẩn kỹ thuật : QCVN 02-31-3:2019/BNNPTNT
Có giá trị đến ngày : Hết hạn sử dụng sản phẩm

Quyết định chứng nhận
Số: 07/QĐ-TTKN
Ngày 05 tháng 01 năm 2026

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC



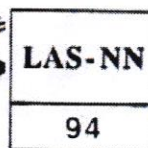
Hà Thanh Tùng





TRUNG TÂM KHẢO NGHIỆM,
KIỂM NGHIỆM, KIỂM ĐỊNH THỦY SẢN
TRUNG TÂM VÙNG I

Đc/Add: số 9 Nguyễn Văn Cừ, P. An Bình, Q. Ninh Kiều, Tp. Cần Thơ
ĐT/Phone: 024 3724 6077 (nhánh số 6) hoặc 0782 917 168
Email: astac.mk@gmail.com



PHIẾU YÊU CẦU/ REQUISITION FORM

Số/No.: 5853/2025/HQ

1. THÔNG TIN KHÁCH HÀNG YÊU CẦU/ CUSTOMER INFORMATION REQUESTED

a. Đơn vị/ người gửi mẫu/ Sample sender:

Tên / Name: Trung tâm Khảo nghiệm, Kiểm nghiệm, Kiểm định thủy sản Vùng II

Địa chỉ/ Address: 135A Pasteur, phường Xuân Hòa, Tp. Hồ Chí Minh

Số điện thoại/Tel: 0964122045.

- Email: ttnknphianam@gmail.com

Người liên hệ/ Contact Person: Phạm Hồng Quân Điện thoại/Tel: 0962012368

b. Thông tin xuất hóa đơn/ Billing information (☐ Có/Yes; ☐ Không/No):

Tên / Name:

Địa chỉ/ Address:

Mã số thuế/ Tax code:

E-mail gửi hoá đơn:

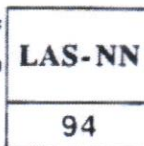
c. Thông tin mẫu / Sample information

TT	Tên mẫu/ Sample name	Mô tả mẫu/ Sample description	Khối lượng/Weight hoặc/or Thể tích/Volume	Chỉ tiêu yêu cầu/ Required parameter	Phương pháp thử/ Test method (nếu có/ if any)	Mã số mẫu/ Sample code (Khách hàng không ghi cột này/ Customer does not fill in this column)
1.	Artemia Cyst (Buddy Owl Green), 180 knpg (BN42673)	Trứng bào xác, Đóng trong túi kín, số lượng 01 mẫu	0,5 kg	<i>Vibrio parahaemolyticus</i> (CFU/25g)	QCVN 02-31-3:2019/B NNPTNT tại Mục 2.1 bảng 1	
2.	Artemia Cyst (Buddy Owl Green), 225 knpg (BN42673)	Trứng bào xác, Đóng trong túi kín, số lượng 01 mẫu	0,5 kg	<i>Vibrio parahaemolyticus</i> (CFU/25g)	QCVN 02-31-3:2019/B NNPTNT tại Mục 2.1 bảng 1	
3.	Artemia Cyst (Buddy Owl Green), 195 knpg (BN42673)	Trứng bào xác, Đóng trong túi kín, số lượng 01 mẫu	0,5 kg	<i>Vibrio parahaemolyticus</i> (CFU/25g)	QCVN 02-31-3:2019/B NNPTNT tại Mục 2.1 bảng 1	



TRUNG TÂM KHẢO NGHIỆM,
KIỂM NGHIỆM, KIỂM ĐỊNH THỦY SẢN
TRUNG TÂM VÙNG I

Đc/Add: số 9 Nguyễn Văn Cừ, P. An Bình, Q. Ninh Kiều, Tp. Cần Thơ
ĐT/Phone: 024 3724 6077 (nhánh số 6) hoặc 0782 917 168
Email: astac.mk@gmail.com



TT	Tên mẫu/ Sample name	Mô tả mẫu/ Sample description	Khối lượng/Weight hoặc/or Thể tích/Volume	Chỉ tiêu yêu cầu/ Required parameter	Phương pháp thử/ Test method (nếu có/ if any)	Mã số mẫu/ Sample code (Khách hàng không ghi cột này/ Customer does not fill in this column)
4.	Artemia Cyst (Buddy Owl Blue), 180 knpg (BN42673)	Trứng bào xác, Đóng trong túi kín, số lượng 01 mẫu	0,5 kg	<i>Vibrio parahaemolyticus</i> (CFU/25g)	QCVN 02-31-3:2019/B NNPTNT tại Mục 2.1 bảng 1	
5.	Artemia Cyst (INVE Blue), 210 knpg (BN42673)	Trứng bào xác, Đóng trong túi kín, số lượng 01 mẫu	0,5 kg	<i>Vibrio parahaemolyticus</i> (CFU/25g)	QCVN 02-31-3:2019/B NNPTNT tại Mục 2.1 bảng 1	
6.	EG Artemia Sep-Art, 180 knpg (BN42673)	Trứng bào xác, Đóng trong túi kín, số lượng 01 mẫu	0,5 kg	<i>Vibrio parahaemolyticus</i> (CFU/25g)	QCVN 02-31-3:2019/B NNPTNT tại Mục 2.1 bảng 1	
7.	Artemia Cyst (Buddy Owl Green), 210 knpg (BN42673)	Trứng bào xác, Đóng trong túi kín, số lượng 01 mẫu	0,5 kg	<i>Vibrio parahaemolyticus</i> (CFU/25g)	QCVN 02-31-3:2019/B NNPTNT tại Mục 2.1 bảng 1	
8.	EG Artemia Sep-Art, 195 knpg (BN42673)	Trứng bào xác, Đóng trong túi kín, số lượng 01 mẫu	0,5 kg	<i>Vibrio parahaemolyticus</i> (CFU/25g)	QCVN 02-31-3:2019/B NNPTNT tại Mục 2.1 bảng 1	
9.	Artemia Cyst (Buddy Owl Blue), 195 knpg (BN42673)	Trứng bào xác, Đóng trong túi kín, số lượng 01 mẫu	0,5 kg	<i>Vibrio parahaemolyticus</i> (CFU/25g)	QCVN 02-31-3:2019/B NNPTNT tại Mục 2.1 bảng 1	



TRUNG TÂM KHẢO NGHIỆM,
KIỂM NGHIỆM, KIỂM ĐỊNH THỦY SẢN
TRUNG TÂM VÙNG I

Đc/Add: số 9 Nguyễn Văn Cừ, P. An Bình, Q. Ninh Kiều, Tp. Cần Thơ
ĐT/Phone: 024 3724 6077 (nhánh số 6) hoặc 0782 917 168
Email: astac.mk@gmail.com

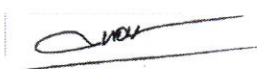


LAS-NN

94

TT	Tên mẫu/ Sample name	Mô tả mẫu/ Sample description	Khối lượng/Weight hoặc/or Thể tích/Volume	Chỉ tiêu yêu cầu/ Required parameter	Phương pháp thử/ Test method (nếu có/ if any)	Mã số mẫu/ Sample code (Khách hàng không ghi cột này/ Customer does not fill in this column)
10	EG Artemia Sep-Art, 225 knpg (BN42673)	Trứng bào xác, Đóng trong túi kín, số lượng 01 mẫu	0,5 kg	<i>Vibrio parahaemolyticus</i> (CFU/25g)	QCVN 02-31-3:2019/B NNPTNT tại Mục 2.1 bảng 1	
11	EG Artemia Sep-Art, 240 knpg (BN42673)	Trứng bào xác, Đóng trong túi kín, số lượng 01 mẫu	0,5 kg	<i>Vibrio parahaemolyticus</i> (CFU/25g)	QCVN 02-31-3:2019/B NNPTNT tại Mục 2.1 bảng 1	
12	FISH BREED-M (BN42691)	Thức ăn tổng hợp, Đóng trong túi kín, số lượng 02 mẫu	0,5 kg/mẫu	Asen (As) vô cơ (mg/kg) Thủy ngân (Hg) (mg/kg) Cadimi (Cd) (mg/kg) Chì (Pb) (mg/kg) Aflatoxin B1 (µg/kg) Ethoxyquin (mg/kg) <i>Salmonella</i> (CFU/25g)	QCVN 02 - 31 - 1: 2019/BNNPTN T	

d. Yêu cầu khác/ Other requirements

Mục đích / Purpose: ☒ Thử nghiệm/ Analysis; ☐ Giám định/ Assess; ☐ Khác/ other: Trả kết quả/ Result format: ☐ Trực tiếp/Directly; ☐ Thư/Letter; ☒ Email (bản ký số/digital signature) Nhà thầu phụ/Subcontractor (If any): ☐ Nhận lại mẫu sau thử nghiệm/ Returning sample request : ☐ Có/Yes ☒ Không/No Yêu cầu khác/ Other requirements (nếu có/if any):	Người gửi mẫu/ Customer  Phạm Hồng Quân
--	--

2. XÁC NHẬN CỦA TRUNG TÂM/ ASTAC VERIFICATION

Ngày nhận mẫu/ Date of receiving: 26/11/2025 Ngày dự kiến trả kết quả / Expected date of issue: 06/01/2026 Tình trạng bao gói mẫu/ Sample packaging condition: ☒ Nguyên vẹn/ Intact; ☐ Không nguyên vẹn/ Not Intact Nhiệt độ bảo quản mẫu/ Sample storage temperature: ☒ Môi trường/ Environmental; ☐ Lạnh/ cold; ☐ Đông lạnh/ Frozen Ghi chú/note:	Người nhận mẫu/ Recipient  Nguyễn Ngọc Anh
---	---

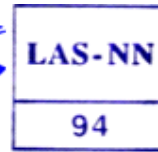
Ghi chú:

- Quý khách hàng ghi đúng, đầy đủ thông tin theo nhu cầu vào mục 1 ngoại trừ cột “Mã số mẫu/ Sample code”, Trung tâm không chịu trách nhiệm về các thông tin do khách hàng cung cấp/ Customers must fill in correct and complete information according to their needs in section 1 except for the “Sample code” column. ASTAC is not responsible for the information provided by customers.
- Quý khách hàng yêu cầu phương pháp cụ thể thì ghi ký hiệu phương pháp vào cột “Phương pháp thử”, trong trường hợp khách hàng không yêu cầu Trung tâm sẽ sử dụng phương pháp phù hợp để phân tích/ If the customer requires a specific



TRUNG TÂM KHẢO NGHIỆM,
KIỂM NGHIỆM, KIỂM ĐỊNH THỦY SẢN
TRUNG TÂM VÙNG I

ĐC/Add: số 9 Nguyễn Văn Cừ, P. An Bình, Tp. Cần Thơ
ĐT/Phone: 024 3724 6077 (nhánh số 6) hoặc 078 291 7168
Email: 3k.trungtamvung1@gmail.com



PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
ANALYTICAL REPORT
Số/No.: 19715/2025/KN-HQ

Tên khách hàng/Customer name ⁽¹⁾ : Trung tâm Khảo nghiệm, Kiểm nghiệm, Kiểm định thủy sản Vùng II
Địa chỉ/Address ⁽¹⁾ : 135A Pasteur, phường Xuân Hòa, Tp. Hồ Chí Minh
Người gửi mẫu/Delivered by ⁽¹⁾ : Phạm Hồng Quân
Mô tả mẫu/Sample description ⁽¹⁾ : Thức ăn tươi sống dùng trong nuôi trồng thủy sản
Mã số mẫu/Sample code : 58532512910
Ngày nhận mẫu/Receiving date : 26/12/2025
Ngày phân tích/Analysing date : 26/12/2025

Tên mẫu/ Sample name ⁽¹⁾	Chỉ tiêu/ Parameters ⁽¹⁾	ĐVT/ Unit	Kết quả/ Result	Phương pháp thử/ Test method
Artemia Cyst (Buddy Owl Green), 180 knpg (BN42673)	<i>Vibrio parahaemolyticus</i> (*)(**)	/25g	KPH	ISO 21872-1:2017

[Signature]

Cần Thơ, ngày/date: 27/12/2025

GIÁM ĐỐC/DIRECTOR



[Signature]

Ghi chú/ Note:

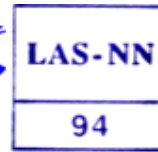
- Tất cả các chỉ tiêu đã được chứng nhận hoạt động bởi Bộ chủ quản/All parameters have been certified to operate by the specialized Ministry.
- (*) Chỉ tiêu đã được công nhận ISO/IEC 17025/ Parameters have been accredited by ISO/IEC 17025.
- (**) Chỉ tiêu được Bộ chuyên ngành chỉ định/ Parameters have been designated by the specialized Ministry.
- (#) Kết quả phân tích do nhà thầu phụ thực hiện/ Analysis results performed by subcontractors.
- KPH/ND: Không phát hiện/ Not detected; PH: phát hiện/detected.
- LOQ: Giới hạn định lượng/Limit of Quantitation. LOD: Giới hạn phát hiện/ Limit of Detection. MDL: Ngưỡng phát hiện của phương pháp/Method Detection Limit.
- ⁽¹⁾ Thông tin do khách hàng cung cấp hoặc yêu cầu/ Information provided or requested by the customer.
- Không được sao chép một phần hay toàn bộ kết quả này nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Giám đốc Trung tâm Vùng I/ This above result shall not reproduced, party or fully, unless written approval of Director of ASTAC I.
- Khiếu nại kết quả chỉ giải quyết trong thời gian lưu mẫu/Complaints about results will only be resolved during the sample retention period.
- Kết quả phân tích trong phiếu này chỉ có giá trị trên mẫu kiểm/ The analysis results in this sheet are only valid on the test sample.

[Signature]



TRUNG TÂM KHẢO NGHIỆM,
KIỂM NGHIỆM, KIỂM ĐỊNH THỦY SẢN
TRUNG TÂM VÙNG I

ĐC/Add: số 9 Nguyễn Văn Cừ, P. An Bình, Tp. Cần Thơ
ĐT/Phone: 024 3724 6077 (nhánh số 6) hoặc 078 291 7168
Email: 3k.trungtamvung1@gmail.com



PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
ANALYTICAL REPORT
Số/No.: 19716/2025/KN-HQ

Tên khách hàng/Customer name ⁽¹⁾ : Trung tâm Khảo nghiệm, Kiểm nghiệm, Kiểm định thủy sản Vùng II
Địa chỉ/Address ⁽¹⁾ : 135A Pasteur, phường Xuân Hòa, Tp. Hồ Chí Minh
Người gửi mẫu/Delivered by ⁽¹⁾ : Phạm Hồng Quân
Mô tả mẫu/Sample description ⁽¹⁾ : Thức ăn tươi sống dùng trong nuôi trồng thủy sản
Mã số mẫu/Sample code : 58532512911
Ngày nhận mẫu/Receiving date : 26/12/2025
Ngày phân tích/Analysing date : 26/12/2025

Tên mẫu/ Sample name ⁽¹⁾	Chỉ tiêu/ Parameters ⁽¹⁾	ĐVT/ Unit	Kết quả/ Result	Phương pháp thử/ Test method
Artemia Cyst (Buddy Owl Green), 225 knpg (BN42673)	Vibrio parahaemolyticus (*)(**)	/25g	KPH	ISO 21872-1:2017

[Signature]

Cần Thơ, ngày/date: 27/12/2025

GIÁM ĐỐC/DIRECTOR



[Signature]

Ghi chú/ Note:

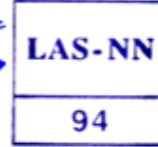
- Tất cả các chỉ tiêu đã được chứng nhận hoạt động bởi Bộ chủ quản/All parameters have been certified to operate by the specialized Ministry.
- (*) Chỉ tiêu đã được công nhận ISO/IEC 17025/ Parameters have been accredited by ISO/IEC 17025.
- (**) Chỉ tiêu được Bộ chuyên ngành chỉ định/ Parameters have been designated by the specialized Ministry.
- (#) Kết quả phân tích do nhà thầu phụ thực hiện/ Analysis results performed by subcontractors.
- KPH/ND: Không phát hiện/ Not detected; PH: phát hiện/detected.
- LOQ: Giới hạn định lượng/Limit of Quantitation. LOD: Giới hạn phát hiện/ Limit of Detection. MDL: Ngưỡng phát hiện của phương pháp/Method Detection Limit.
- ⁽¹⁾ Thông tin do khách hàng cung cấp hoặc yêu cầu/ Information provided or requested by the customer.
- Không được sao chép một phần hay toàn bộ kết quả này nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Giám đốc Trung tâm Vùng I/ This above result shall not reproduced, party or fully, unless written approval of Director of ASTAC I.
- Khiếu nại kết quả chỉ giải quyết trong thời gian lưu mẫu/Complaints about results will only be resolved during the sample retention period.
- Kết quả phân tích trong phiếu này chỉ có giá trị trên mẫu kiểm/ The analysis results in this sheet are only valid on the test sample.

[Signature]



TRUNG TÂM KHẢO NGHIỆM,
KIỂM NGHIỆM, KIỂM ĐỊNH THỦY SẢN
TRUNG TÂM VÙNG I

ĐC/Add: số 9 Nguyễn Văn Cừ, P. An Bình, Tp. Cần Thơ
ĐT/Phone: 024 3724 6077 (nhánh số 6) hoặc 078 291 7168
Email: 3k.trungtamvung1@gmail.com



PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
ANALYTICAL REPORT
Số/No.: 19717/2025/KN-HQ

Tên khách hàng/Customer name ⁽¹⁾ : Trung tâm Khảo nghiệm, Kiểm nghiệm, Kiểm định thủy sản Vùng II
Địa chỉ/Address ⁽¹⁾ : 135A Pasteur, phường Xuân Hòa, Tp. Hồ Chí Minh
Người gửi mẫu/Delivered by ⁽¹⁾ : Phạm Hồng Quân
Mô tả mẫu/Sample description ⁽¹⁾ : Thức ăn tươi sống dùng trong nuôi trồng thủy sản
Mã số mẫu/Sample code : 58532512912
Ngày nhận mẫu/Receiving date : 26/12/2025
Ngày phân tích/Analysing date : 26/12/2025

Tên mẫu/ Sample name ⁽¹⁾	Chỉ tiêu/ Parameters ⁽¹⁾	ĐVT/ Unit	Kết quả/ Result	Phương pháp thử/ Test method
Artemia Cyst (Buddy Owl Green), 195 knpg (BN42673)	<i>Vibrio parahaemolyticus</i> (*)(**)	/25g	KPH	ISO 21872-1:2017

Cần Thơ, ngày/date: 27/12/2025

GIÁM ĐỐC/DIRECTOR



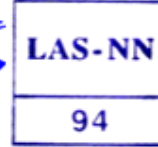
Ghi chú/ Note:

- Tất cả các chỉ tiêu đã được chứng nhận hoạt động bởi Bộ chủ quản/All parameters have been certified to operate by the specialized Ministry.
- (*) Chỉ tiêu đã được công nhận ISO/IEC 17025/ Parameters have been accredited by ISO/IEC 17025.
- (**) Chỉ tiêu được Bộ chuyên ngành chỉ định/ Parameters have been designated by the specialized Ministry.
- (#) Kết quả phân tích do nhà thầu phụ thực hiện/ Analysis results performed by subcontractors.
- KPH/ND: Không phát hiện/ Not detected; PH: phát hiện/detected.
- LOQ: Giới hạn định lượng/Limit of Quantitation. LOD: Giới hạn phát hiện/ Limit of Detection. MDL: Ngưỡng phát hiện của phương pháp/Method Detection Limit.
- ⁽¹⁾ Thông tin do khách hàng cung cấp hoặc yêu cầu/ Information provided or requested by the customer.
- Không được sao chép một phần hay toàn bộ kết quả này nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Giám đốc Trung tâm Vùng I/ This above result shall not reproduced, party or fully, unless written approval of Director of ASTAC I.
- Khiếu nại kết quả chỉ giải quyết trong thời gian lưu mẫu/Complaints about results will only be resolved during the sample retention period.
- Kết quả phân tích trong phiếu này chỉ có giá trị trên mẫu kiểm/ The analysis results in this sheet are only valid on the test sample.



TRUNG TÂM KHẢO NGHIỆM,
KIỂM NGHIỆM, KIỂM ĐỊNH THỦY SẢN
TRUNG TÂM VÙNG I

ĐC/Add: số 9 Nguyễn Văn Cừ, P. An Bình, Tp. Cần Thơ
ĐT/Phone: 024 3724 6077 (nhánh số 6) hoặc 078 291 7168
Email: 3k.trungtamvung1@gmail.com



PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
ANALYTICAL REPORT
Số/No.: 19718/2025/KN-HQ

Tên khách hàng/Customer name ⁽¹⁾ : Trung tâm Khảo nghiệm, Kiểm nghiệm, Kiểm định thủy sản Vùng II
Địa chỉ/Address ⁽¹⁾ : 135A Pasteur, phường Xuân Hòa, Tp. Hồ Chí Minh
Người gửi mẫu/Delivered by ⁽¹⁾ : Phạm Hồng Quân
Mô tả mẫu/Sample description ⁽¹⁾ : Thức ăn tươi sống dùng trong nuôi trồng thủy sản
Mã số mẫu/Sample code : 58532512913
Ngày nhận mẫu/Receiving date : 26/12/2025
Ngày phân tích/Analysing date : 26/12/2025

Tên mẫu/ Sample name ⁽¹⁾	Chỉ tiêu/ Parameters ⁽¹⁾	ĐVT/ Unit	Kết quả/ Result	Phương pháp thử/ Test method
Artemia Cyst (Buddy Owl Blue), 180 knpg (BN42673)	<i>Vibrio parahaemolyticus</i> (*)(**)	/25g	KPH	ISO 21872-1:2017

[Signature]

Cần Thơ, ngày/date: 27/12/2025

GIÁM ĐỐC/DIRECTOR



[Signature]

Ghi chú/ Note:

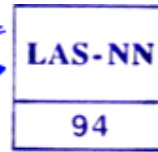
- Tất cả các chỉ tiêu đã được chứng nhận hoạt động bởi Bộ chủ quản/ All parameters have been certified to operate by the specialized Ministry.
- (*) Chỉ tiêu đã được công nhận ISO/IEC 17025/ Parameters have been accredited by ISO/IEC 17025.
- (**) Chỉ tiêu được Bộ chuyên ngành chỉ định/ Parameters have been designated by the specialized Ministry.
- (#) Kết quả phân tích do nhà thầu phụ thực hiện/ Analysis results performed by subcontractors.
- KPH/ND: Không phát hiện/ Not detected; PH: phát hiện/detected.
- LOQ: Giới hạn định lượng/ Limit of Quantitation. LOD: Giới hạn phát hiện/ Limit of Detection. MDL: Ngưỡng phát hiện của phương pháp/ Method Detection Limit.
- ⁽¹⁾ Thông tin do khách hàng cung cấp hoặc yêu cầu/ Information provided or requested by the customer.
- Không được sao chép một phần hay toàn bộ kết quả này nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Giám đốc Trung tâm Vùng I/ This above result shall not reproduced, party or fully, unless written approval of Director of ASTAC I.
- Khiếu nại kết quả chỉ giải quyết trong thời gian lưu mẫu/ Complaints about results will only be resolved during the sample retention period.
- Kết quả phân tích trong phiếu này chỉ có giá trị trên mẫu kiểm/ The analysis results in this sheet are only valid on the test sample.

[Signature]



TRUNG TÂM KHẢO NGHIỆM,
KIỂM NGHIỆM, KIỂM ĐỊNH THỦY SẢN
TRUNG TÂM VÙNG I

ĐC/Add: số 9 Nguyễn Văn Cừ, P. An Bình, Tp. Cần Thơ
ĐT/Phone: 024 3724 6077 (nhánh số 6) hoặc 078 291 7168
Email: 3k.trungtamvung1@gmail.com



PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
ANALYTICAL REPORT
Số/No.: 19719/2025/KN-HQ

Tên khách hàng/Customer name ⁽¹⁾ : Trung tâm Khảo nghiệm, Kiểm nghiệm, Kiểm định thủy sản Vùng II
Địa chỉ/Address ⁽¹⁾ : 135A Pasteur, phường Xuân Hòa, Tp. Hồ Chí Minh
Người gửi mẫu/Delivered by ⁽¹⁾ : Phạm Hồng Quân
Mô tả mẫu/Sample description ⁽¹⁾ : Thức ăn tươi sống dùng trong nuôi trồng thủy sản
Mã số mẫu/Sample code : 58532512914
Ngày nhận mẫu/Receiving date : 26/12/2025
Ngày phân tích/Analysing date : 26/12/2025

Tên mẫu/ Sample name ⁽¹⁾	Chỉ tiêu/ Parameters ⁽¹⁾	ĐVT/ Unit	Kết quả/ Result	Phương pháp thử/ Test method
Artemia Cyst (INVE Blue), 210 knpg (BN42673)	Vibrio parahaemolyticus (*)(**)	/25g	KPH	ISO 21872-1:2017

[Signature]

Cần Thơ, ngày/date: 27/12/2025

GIÁM ĐỐC/DIRECTOR



[Signature]

Ghi chú/ Note:

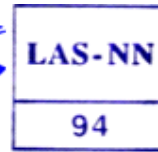
- Tất cả các chỉ tiêu đã được chứng nhận hoạt động bởi Bộ chủ quản/ All parameters have been certified to operate by the specialized Ministry.
- (*) Chỉ tiêu đã được công nhận ISO/IEC 17025/ Parameters have been accredited by ISO/IEC 17025.
- (**) Chỉ tiêu được Bộ chuyên ngành chỉ định/ Parameters have been designated by the specialized Ministry.
- (#) Kết quả phân tích do nhà thầu phụ thực hiện/ Analysis results performed by subcontractors.
- KPH/ND: Không phát hiện/ Not detected; PH: phát hiện/detected.
- LOQ: Giới hạn định lượng/Limit of Quantitation. LOD: Giới hạn phát hiện/ Limit of Detection. MDL: Ngưỡng phát hiện của phương pháp/Method Detection Limit.
- ⁽¹⁾ Thông tin do khách hàng cung cấp hoặc yêu cầu/ Information provided or requested by the customer.
- Không được sao chép một phần hay toàn bộ kết quả này nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Giám đốc Trung tâm Vùng I/ This above result shall not reproduced, party or fully, unless written approval of Director of ASTAC I.
- Khiếu nại kết quả chỉ giải quyết trong thời gian lưu mẫu/ Complaints about results will only be resolved during the sample retention period.
- Kết quả phân tích trong phiếu này chỉ có giá trị trên mẫu kiểm/ The analysis results in this sheet are only valid on the test sample.

[Signature]



TRUNG TÂM KHẢO NGHIỆM,
KIỂM NGHIỆM, KIỂM ĐỊNH THỦY SẢN
TRUNG TÂM VÙNG I

ĐC/Add: số 9 Nguyễn Văn Cừ, P. An Bình, Tp. Cần Thơ
ĐT/Phone: 024 3724 6077 (nhánh số 6) hoặc 078 291 7168
Email: 3k.trungtamvung1@gmail.com



PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
ANALYTICAL REPORT
Số/No.: 19720/2025/KN-HQ

Tên khách hàng/Customer name ⁽¹⁾ : Trung tâm Khảo nghiệm, Kiểm nghiệm, Kiểm định thủy sản Vùng II
Địa chỉ/Address ⁽¹⁾ : 135A Pasteur, phường Xuân Hòa, Tp. Hồ Chí Minh
Người gửi mẫu/Delivered by ⁽¹⁾ : Phạm Hồng Quân
Mô tả mẫu/Sample description ⁽¹⁾ : Thức ăn tươi sống dùng trong nuôi trồng thủy sản
Mã số mẫu/Sample code : 58532512915
Ngày nhận mẫu/Receiving date : 26/12/2025
Ngày phân tích/Analysing date : 26/12/2025

Tên mẫu/ Sample name ⁽¹⁾	Chỉ tiêu/ Parameters ⁽¹⁾	ĐVT/ Unit	Kết quả/ Result	Phương pháp thử/ Test method
EG Artemia Sep-Art, 180 knpg (BN42673)	<i>Vibrio parahaemolyticus</i> (*)(**)	/25g	KPH	ISO 21872-1:2017

[Signature]

Cần Thơ, ngày/date: 27/12/2025

GIÁM ĐỐC/DIRECTOR



[Signature]

Nguyễn Đình Xuân Quý

Ghi chú/ Note:

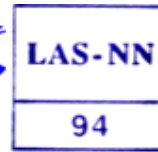
- Tất cả các chỉ tiêu đã được chứng nhận hoạt động bởi Bộ chủ quản/ All parameters have been certified to operate by the specialized Ministry.
- (*) Chỉ tiêu đã được công nhận ISO/IEC 17025/ Parameters have been accredited by ISO/IEC 17025.
- (**) Chỉ tiêu được Bộ chuyên ngành chỉ định/ Parameters have been designated by the specialized Ministry.
- (#) Kết quả phân tích do nhà thầu phụ thực hiện/ Analysis results performed by subcontractors.
- KPH/ND: Không phát hiện/ Not detected; PH: phát hiện/detected.
- LOQ: Giới hạn định lượng/ Limit of Quantitation. LOD: Giới hạn phát hiện/ Limit of Detection. MDL: Ngưỡng phát hiện của phương pháp/ Method Detection Limit.
- ⁽¹⁾ Thông tin do khách hàng cung cấp hoặc yêu cầu/ Information provided or requested by the customer.
- Không được sao chép một phần hay toàn bộ kết quả này nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Giám đốc Trung tâm Vùng I/ This above result shall not reproduced, party or fully, unless written approval of Director of ASTAC I.
- Khiếu nại kết quả chỉ giải quyết trong thời gian lưu mẫu/ Complaints about results will only be resolved during the sample retention period.
- Kết quả phân tích trong phiếu này chỉ có giá trị trên mẫu kiểm/ The analysis results in this sheet are only valid on the test sample.

[Signature]



TRUNG TÂM KHẢO NGHIỆM,
KIỂM NGHIỆM, KIỂM ĐỊNH THỦY SẢN
TRUNG TÂM VÙNG I

ĐC/Add: số 9 Nguyễn Văn Cừ, P. An Bình, Tp. Cần Thơ
ĐT/Phone: 024 3724 6077 (nhánh số 6) hoặc 078 291 7168
Email: 3k.trungtamvung1@gmail.com



PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
ANALYTICAL REPORT
Số/No.: 19721/2025/KN-HQ

Tên khách hàng/Customer name ⁽¹⁾ : Trung tâm Khảo nghiệm, Kiểm nghiệm, Kiểm định thủy sản Vùng II
Địa chỉ/Address ⁽¹⁾ : 135A Pasteur, phường Xuân Hòa, Tp. Hồ Chí Minh
Người gửi mẫu/Delivered by ⁽¹⁾ : Phạm Hồng Quân
Mô tả mẫu/Sample description ⁽¹⁾ : Thức ăn tươi sống dùng trong nuôi trồng thủy sản
Mã số mẫu/Sample code : 58532512916
Ngày nhận mẫu/Receiving date : 26/12/2025
Ngày phân tích/Analysing date : 26/12/2025

Tên mẫu/ Sample name ⁽¹⁾	Chỉ tiêu/ Parameters ⁽¹⁾	ĐVT/ Unit	Kết quả/ Result	Phương pháp thử/ Test method
Artemia Cyst (Buddy Owl Green), 210 knpg (BN42673)	Vibrio parahaemolyticus (*)(**)	/25g	KPH	ISO 21872-1:2017

[Signature]

Cần Thơ, ngày/date: 27/12/2025

GIÁM ĐỐC/DIRECTOR



[Signature]

Nguyễn Đình Xuân Quý

Ghi chú/ Note:

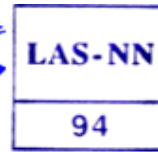
- Tất cả các chỉ tiêu đã được chứng nhận hoạt động bởi Bộ chủ quản/ All parameters have been certified to operate by the specialized Ministry.
- (*) Chỉ tiêu đã được công nhận ISO/IEC 17025/ Parameters have been accredited by ISO/IEC 17025.
- (**) Chỉ tiêu được Bộ chuyên ngành chỉ định/ Parameters have been designated by the specialized Ministry.
- (#) Kết quả phân tích do nhà thầu phụ thực hiện/ Analysis results performed by subcontractors.
- KPH/ND: Không phát hiện/ Not detected; PH: phát hiện/detected.
- LOQ: Giới hạn định lượng/ Limit of Quantitation. LOD: Giới hạn phát hiện/ Limit of Detection. MDL: Ngưỡng phát hiện của phương pháp/ Method Detection Limit.
- ⁽¹⁾ Thông tin do khách hàng cung cấp hoặc yêu cầu/ Information provided or requested by the customer.
- Không được sao chép một phần hay toàn bộ kết quả này nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Giám đốc Trung tâm Vùng I/ This above result shall not reproduced, party or fully, unless written approval of Director of ASTAC I.
- Khiếu nại kết quả chỉ giải quyết trong thời gian lưu mẫu/ Complaints about results will only be resolved during the sample retention period.
- Kết quả phân tích trong phiếu này chỉ có giá trị trên mẫu kiểm/ The analysis results in this sheet are only valid on the test sample.

[Signature]



TRUNG TÂM KHẢO NGHIỆM,
KIỂM NGHIỆM, KIỂM ĐỊNH THỦY SẢN
TRUNG TÂM VÙNG I

ĐC/Add: số 9 Nguyễn Văn Cừ, P. An Bình, Tp. Cần Thơ
ĐT/Phone: 024 3724 6077 (nhánh số 6) hoặc 078 291 7168
Email: 3k.trungtamvung1@gmail.com



PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
ANALYTICAL REPORT
Số/No.: 19722/2025/KN-HQ

Tên khách hàng/Customer name ⁽¹⁾ : Trung tâm Khảo nghiệm, Kiểm nghiệm, Kiểm định thủy sản Vùng II
Địa chỉ/Address ⁽¹⁾ : 135A Pasteur, phường Xuân Hòa, Tp. Hồ Chí Minh
Người gửi mẫu/Delivered by ⁽¹⁾ : Phạm Hồng Quân
Mô tả mẫu/Sample description ⁽¹⁾ : Thức ăn tươi sống dùng trong nuôi trồng thủy sản
Mã số mẫu/Sample code : 58532512917
Ngày nhận mẫu/Receiving date : 26/12/2025
Ngày phân tích/Analysing date : 26/12/2025

Tên mẫu/ Sample name ⁽¹⁾	Chỉ tiêu/ Parameters ⁽¹⁾	ĐVT/ Unit	Kết quả/ Result	Phương pháp thử/ Test method
EG Artemia Sep-Art, 195 knpg (BN42673)	<i>Vibrio parahaemolyticus</i> (*)(**)	/25g	KPH	ISO 21872-1:2017

Cần Thơ, ngày/date: 27/12/2025

GIÁM ĐỐC/DIRECTOR



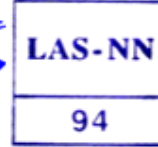
Ghi chú/ Note:

- Tất cả các chỉ tiêu đã được chứng nhận hoạt động bởi Bộ chủ quản/All parameters have been certified to operate by the specialized Ministry.
- (*) Chỉ tiêu đã được công nhận ISO/IEC 17025/ Parameters have been accredited by ISO/IEC 17025.
- (**) Chỉ tiêu được Bộ chuyên ngành chỉ định/ Parameters have been designated by the specialized Ministry.
- (#) Kết quả phân tích do nhà thầu phụ thực hiện/ Analysis results performed by subcontractors.
- KPH/ND: Không phát hiện/ Not detected; PH: phát hiện/detected.
- LOQ: Giới hạn định lượng/Limit of Quantitation. LOD: Giới hạn phát hiện/ Limit of Detection. MDL: Ngưỡng phát hiện của phương pháp/Method Detection Limit.
- ⁽¹⁾ Thông tin do khách hàng cung cấp hoặc yêu cầu/ Information provided or requested by the customer.
- Không được sao chép một phần hay toàn bộ kết quả này nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Giám đốc Trung tâm Vùng I/ This above result shall not reproduced, party or fully, unless written approval of Director of ASTAC I.
- Khiếu nại kết quả chỉ giải quyết trong thời gian lưu mẫu/Complaints about results will only be resolved during the sample retention period.
- Kết quả phân tích trong phiếu này chỉ có giá trị trên mẫu kiểm/ The analysis results in this sheet are only valid on the test sample.



TRUNG TÂM KHẢO NGHIỆM,
KIỂM NGHIỆM, KIỂM ĐỊNH THỦY SẢN
TRUNG TÂM VÙNG I

ĐC/Add: số 9 Nguyễn Văn Cừ, P. An Bình, Tp. Cần Thơ
ĐT/Phone: 024 3724 6077 (nhánh số 6) hoặc 078 291 7168
Email: 3k.trungtamvung1@gmail.com



PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
ANALYTICAL REPORT
Số/No.: 19723/2025/KN-HQ

Tên khách hàng/Customer name ⁽¹⁾ : Trung tâm Khảo nghiệm, Kiểm nghiệm, Kiểm định thủy sản Vùng II
Địa chỉ/Address ⁽¹⁾ : 135A Pasteur, phường Xuân Hòa, Tp. Hồ Chí Minh
Người gửi mẫu/Delivered by ⁽¹⁾ : Phạm Hồng Quân
Mô tả mẫu/Sample description ⁽¹⁾ : Thức ăn tươi sống dùng trong nuôi trồng thủy sản
Mã số mẫu/Sample code : 58532512918
Ngày nhận mẫu/Receiving date : 26/12/2025
Ngày phân tích/Analysing date : 26/12/2025

Tên mẫu/ Sample name ⁽¹⁾	Chỉ tiêu/ Parameters ⁽¹⁾	ĐVT/ Unit	Kết quả/ Result	Phương pháp thử/ Test method
Artemia Cyst (Buddy Owl Blue), 195 knpg (BN42673)	<i>Vibrio parahaemolyticus</i> (*)(**)	/25g	KPH	ISO 21872-1:2017

[Signature]

Cần Thơ, ngày/date: 27/12/2025

GIÁM ĐỐC/DIRECTOR



[Signature]

Ghi chú/ Note:

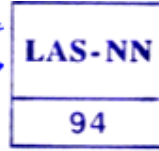
- Tất cả các chỉ tiêu đã được chứng nhận hoạt động bởi Bộ chủ quản/All parameters have been certified to operate by the specialized Ministry.
- (*) Chỉ tiêu đã được công nhận ISO/IEC 17025/ Parameters have been accredited by ISO/IEC 17025.
- (**) Chỉ tiêu được Bộ chuyên ngành chỉ định/ Parameters have been designated by the specialized Ministry.
- (#) Kết quả phân tích do nhà thầu phụ thực hiện/ Analysis results performed by subcontractors.
- KPH/ND: Không phát hiện/ Not detected; PH: phát hiện/detected.
- LOQ: Giới hạn định lượng/Limit of Quantitation. LOD: Giới hạn phát hiện/ Limit of Detection. MDL: Ngưỡng phát hiện của phương pháp/Method Detection Limit.
- ⁽¹⁾ Thông tin do khách hàng cung cấp hoặc yêu cầu/ Information provided or requested by the customer.
- Không được sao chép một phần hay toàn bộ kết quả này nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Giám đốc Trung tâm Vùng I/ This above result shall not reproduced, party or fully, unless written approval of Director of ASTAC I.
- Khiếu nại kết quả chỉ giải quyết trong thời gian lưu mẫu/Complaints about results will only be resolved during the sample retention period.
- Kết quả phân tích trong phiếu này chỉ có giá trị trên mẫu kiểm/ The analysis results in this sheet are only valid on the test sample.

[Signature]



TRUNG TÂM KHẢO NGHIỆM,
KIỂM NGHIỆM, KIỂM ĐỊNH THỦY SẢN
TRUNG TÂM VÙNG I

ĐC/Add: số 9 Nguyễn Văn Cừ, P. An Bình, Tp. Cần Thơ
ĐT/Phone: 024 3724 6077 (nhánh số 6) hoặc 078 291 7168
Email: 3k.trungtamvung1@gmail.com



PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
ANALYTICAL REPORT
Số/No.: 19724/2025/KN-HQ

Tên khách hàng/Customer name ⁽¹⁾ : Trung tâm Khảo nghiệm, Kiểm nghiệm, Kiểm định thủy sản Vùng II
Địa chỉ/Address ⁽¹⁾ : 135A Pasteur, phường Xuân Hòa, Tp. Hồ Chí Minh
Người gửi mẫu/Delivered by ⁽¹⁾ : Phạm Hồng Quân
Mô tả mẫu/Sample description ⁽¹⁾ : Thức ăn tươi sống dùng trong nuôi trồng thủy sản
Mã số mẫu/Sample code : 58532512919
Ngày nhận mẫu/Receiving date : 26/12/2025
Ngày phân tích/Analysing date : 26/12/2025

Tên mẫu/ Sample name ⁽¹⁾	Chỉ tiêu/ Parameters ⁽¹⁾	ĐVT/ Unit	Kết quả/ Result	Phương pháp thử/ Test method
EG Artemia Sep-Art, 225 knpg (BN42673)	<i>Vibrio parahaemolyticus</i> (*)(**)	/25g	KPH	ISO 21872-1:2017

Cần Thơ, ngày/date: 27/12/2025

GIÁM ĐỐC/DIRECTOR



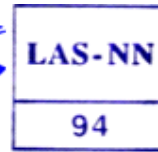
Ghi chú/ Note:

- Tất cả các chỉ tiêu đã được chứng nhận hoạt động bởi Bộ chủ quản/All parameters have been certified to operate by the specialized Ministry.
- (*) Chỉ tiêu đã được công nhận ISO/IEC 17025/ Parameters have been accredited by ISO/IEC 17025.
- (**) Chỉ tiêu được Bộ chuyên ngành chỉ định/ Parameters have been designated by the specialized Ministry.
- (#) Kết quả phân tích do nhà thầu phụ thực hiện/ Analysis results performed by subcontractors.
- KPH/ND: Không phát hiện/ Not detected; PH: phát hiện/detected.
- LOQ: Giới hạn định lượng/Limit of Quantitation. LOD: Giới hạn phát hiện/ Limit of Detection. MDL: Ngưỡng phát hiện của phương pháp/Method Detection Limit.
- ⁽¹⁾ Thông tin do khách hàng cung cấp hoặc yêu cầu/ Information provided or requested by the customer.
- Không được sao chép một phần hay toàn bộ kết quả này nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Giám đốc Trung tâm Vùng I/ This above result shall not reproduced, party or fully, unless written approval of Director of ASTAC I.
- Khiếu nại kết quả chỉ giải quyết trong thời gian lưu mẫu/Complaints about results will only be resolved during the sample retention period.
- Kết quả phân tích trong phiếu này chỉ có giá trị trên mẫu kiểm/ The analysis results in this sheet are only valid on the test sample.



TRUNG TÂM KHẢO NGHIỆM,
KIỂM NGHIỆM, KIỂM ĐỊNH THỦY SẢN
TRUNG TÂM VÙNG I

ĐC/Add: số 9 Nguyễn Văn Cừ, P. An Bình, Tp. Cần Thơ
ĐT/Phone: 024 3724 6077 (nhánh số 6) hoặc 078 291 7168
Email: 3k.trungtamvung1@gmail.com



PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
ANALYTICAL REPORT
Số/No.: 19725/2025/KN-HQ

Tên khách hàng/Customer name ⁽¹⁾ : Trung tâm Khảo nghiệm, Kiểm nghiệm, Kiểm định thủy sản Vùng II
Địa chỉ/Address ⁽¹⁾ : 135A Pasteur, phường Xuân Hòa, Tp. Hồ Chí Minh
Người gửi mẫu/Delivered by ⁽¹⁾ : Phạm Hồng Quân
Mô tả mẫu/Sample description ⁽¹⁾ : Thức ăn tươi sống dùng trong nuôi trồng thủy sản
Mã số mẫu/Sample code : 58532512920
Ngày nhận mẫu/Receiving date : 26/12/2025
Ngày phân tích/Analysing date : 26/12/2025

Tên mẫu/ Sample name ⁽¹⁾	Chỉ tiêu/ Parameters ⁽¹⁾	ĐVT/ Unit	Kết quả/ Result	Phương pháp thử/ Test method
EG Artemia Sep-Art, 240 knpg (BN42673)	<i>Vibrio parahaemolyticus</i> (*)(**)	/25g	KPH	ISO 21872-1:2017

[Signature]

Cần Thơ, ngày/date: 27/12/2025

GIÁM ĐỐC/DIRECTOR



[Signature]

Nguyễn Đình Xuân Quý

Ghi chú/ Note:

- Tất cả các chỉ tiêu đã được chứng nhận hoạt động bởi Bộ chủ quản/ All parameters have been certified to operate by the specialized Ministry.
- (*) Chỉ tiêu đã được công nhận ISO/IEC 17025/ Parameters have been accredited by ISO/IEC 17025.
- (**) Chỉ tiêu được Bộ chuyên ngành chỉ định/ Parameters have been designated by the specialized Ministry.
- (#) Kết quả phân tích do nhà thầu phụ thực hiện/ Analysis results performed by subcontractors.
- KPH/ND: Không phát hiện/ Not detected; PH: phát hiện/detected.
- LOQ: Giới hạn định lượng/ Limit of Quantitation. LOD: Giới hạn phát hiện/ Limit of Detection. MDL: Ngưỡng phát hiện của phương pháp/ Method Detection Limit.
- ⁽¹⁾ Thông tin do khách hàng cung cấp hoặc yêu cầu/ Information provided or requested by the customer.
- Không được sao chép một phần hay toàn bộ kết quả này nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Giám đốc Trung tâm Vùng I/ This above result shall not reproduced, party or fully, unless written approval of Director of ASTAC I.
- Khiếu nại kết quả chỉ giải quyết trong thời gian lưu mẫu/ Complaints about results will only be resolved during the sample retention period.
- Kết quả phân tích trong phiếu này chỉ có giá trị trên mẫu kiểm/ The analysis results in this sheet are only valid on the test sample.

[Signature]

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

ANALYTICAL REPORT

Số/No.: 19833/2025/KN-HQ

Tên khách hàng/Customer name ⁽¹⁾ : Trung tâm Khảo nghiệm, Kiểm nghiệm, Kiểm định thủy sản Vùng IIĐịa chỉ/Address ⁽¹⁾ : 135A Pasteur, phường Xuân Hòa, Tp. Hồ Chí MinhNgười gửi mẫu/Delivered by ⁽¹⁾ : Phạm Hồng QuânMô tả mẫu/Sample description ⁽¹⁾ : Thức ăn hỗn hợp dùng trong nuôi trồng thủy sản

Mã số mẫu/Sample code : 58532512921

Ngày nhận mẫu/Receiving date : 26/12/2025

Ngày phân tích/Analysing date : 26/12/2025

Tên mẫu/ Sample name ⁽¹⁾	Chỉ tiêu/ Parameters ⁽¹⁾	ĐVT/ Unit	Kết quả/ Result	Phương pháp thử/ Test method
FISH BREED-M (BN42691)	Asen (As) vô cơ (**)	mg/kg (LOQ=0,9)	KPH	EN 16278:2012
	Chì (Pb) (**)	mg/kg (LOQ=0,6)	<0,6	AOAC 986.15
	Cadimi (Cd) (**)	mg/kg (LOQ=0,15)	<0,15	AOAC 986.15
	Thủy ngân (Hg) (**)	mg/kg (LOQ=0,05)	KPH	EN 16277:2012
	Aflatoxin B1 (*)	µg/kg (LOQ=1)	KPH	HDH-08 (Ref. AOAC 990.33; AOAC 991.31) Sắc ký lỏng
	Ethoxyquin (*)	mg/kg (LOQ=0,1)	KPH	AOAC 996.13
	Salmonella spp. (*)(**)	/25g	KPH	TCVN 10780-1:2017

Cần Thơ, ngày/date: 31/12/2025

GIÁM ĐỐC/DIRECTOR



Ghi chú/ Note:

- Tất cả các chỉ tiêu đã được chứng nhận hoạt động bởi Bộ chủ quản/All parameters have been certified to operate by the specialized Ministry.
- (*) Chỉ tiêu đã được công nhận ISO/IEC 17025/ Parameters have been accredited by ISO/IEC 17025.
- (**) Chỉ tiêu được Bộ chuyên ngành chỉ định/ Parameters have been designated by the specialized Ministry.
- (#) Kết quả phân tích do nhà thầu phụ thực hiện/ Analysis results performed by subcontractors.
- KPH/ND: Không phát hiện/ Not detected; PH: phát hiện/detected.
- LOQ: Giới hạn định lượng/Limit of Quantitation. LOD: Giới hạn phát hiện/ Limit of Detection. MDL: Ngưỡng phát hiện của phương pháp/Method Detection Limit.
- ⁽¹⁾ Thông tin do khách hàng cung cấp hoặc yêu cầu/ Information provided or requested by the customer.
- Không được sao chép một phần hay toàn bộ kết quả này nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Giám đốc Trung tâm Vùng I/ This above result shall not reproduced, party or fully, unless written approval of Director of ASTAC I.
- Khiếu nại kết quả chỉ giải quyết trong thời gian lưu mẫu/Complaints about results will only be resolved during the sample retention period.
- Kết quả phân tích trong phiếu này chỉ có giá trị trên mẫu kiểm/ The analysis results in this sheet are only valid on the test sample.